TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ - ST
Ngày 28/02/2020
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự - Cán bộ hưu trí xã Đông Xuân

Bà Nguyễn Thị Vĩnh - Cán bộ phụ nữ xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/ TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn ThT, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB.
Bị đơn: Anh Vũ Trung Kiên, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB..

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/11/2019 và trong quá trình tố tụng chị Bùi Thị Nh bày:

Chị Nh và anh K tự nguyện kết hôn vào ngày 01/02/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2012 anh K bị bạn bè rủ rê dẫn đến ham chơi bời, cờ bạc không chung thủy dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Vợ chồng lại không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế. Năm 2013 anh K bỏ đi làm ăn xa không còn quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Vũ Thị Lan A sinh ngày 02/7/2002 và Vũ Mạnh D sinh ngày 10/3/2005. Hiện nay cả hai con đang ở với chị. Ly hôn chị Nh xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/12/2019 bà Lê Thị H mẹ đẻ anh K trình bày:

Chị Nh và anh K tự nguyện kết hôn vào năm 2002, tại UBND xã Đ L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bà H được khoảng 5 năm thì vợ chồng mua đất và làm nhà ra ở riêng tại thôn TT, xã ĐL. Thời gian vợ chồng sinh sống ở thôn TT thì phát sinh mâu thuẫn, do vậy bà cũng không biết được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà H chỉ biết rằng sau khi anh K đi xuất khẩu lao động phải về nước trước hạn do không có việc làm thì chị Nh lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động khoảng 3 năm. Nhưng sau khi chị Nh về nước lại tiếp tục đi lần hai thì anh K cũng bỏ đi làm ăn xa. Từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị Nh xin ly hôn, bà H không muốn vợ chồng phải ly hôn. Khi nhận được các văn bản tài liệu của Tòa án gửi cho anh Kiên, bà Hưởng đều đã gọi điện thông báo cho anh K, tuy nhiên anh K cho rằng vì công việc làm ăn, anh K không thể về được, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Nh và anh vắng mặt anh.

Vợ chồng chị Nh, anh K có 02 con chung là Vũ Thị Lan A sinh ngày 02/7/2002 và cháu Vũ Mạnh D sinh ngày 10/3/2005. Hiện nay cả hai con đang ở với chị Nh. Nếu chị Nh kiên quyết xin ly hôn thì bà cũng đề nghị giao cả hai con cho chị Nh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng, do vợ chồng chị Nhung, anh Kiên quyết định. Trong thời gian vợ chồng Nhung Kiên còn chung sống bà có cho vợ chồng vay một số tiền và vàng, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để lại cho cháu nội Vũ Thị Lan A và Vũ Mạnh D.

Mọi văn bản giấy tờ Tòa án gửi về bà Hưởng nhận và đều đã thông báo cho anh K.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của chị Nh đã tuân thủ pháp luật, đối với anh K chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nh xử cho chị được ly hôn anh K. Về con chung: Giao hai con chung cho chị Nh nuôi

dạy, chấp nhận tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí buộc chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nh có đơn khởi kiện về việc ly hôn anh K tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Vũ Trung K, vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Chị Bùi Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xở vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh K, chị Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến, tình cảm lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân thời gian đã khá dài từ 2013 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn, anh K đã biết chị Nh có đơn xin ly hôn nhưng bỏ mặc không về. Tòa án triệu tập đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh K vẫn không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn vắng mặt điều đó thể hiện việc anh không thiết tha đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian vợ chồng chị Nh, anh K ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nh, xử cho chị được ly hôn anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nh, anh K có 02 con chung là Vũ Thị Lan A sinh ngày 02/7/2002 và cháu Vũ Mạnh D sinh ngày 10/3/2005. Hội đồng xét xử xét thấy các con chung đều có nguyện vọng xin ở với chị Nh. Mặt khác từ khi ly thân chị Nh vẫn chăm sóc các con chu đáo Do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nh, giao 02 con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dạy đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu giải quyết, anh K chưa có ý kiến trình bày, do vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

Anh K có quyền yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Nh được ly hôn anh Vũ Trung K.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thị Lan A sinh ngày 02/7/2002 và cháu Vũ Mạnh D sinh ngày 10/3/2005 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hai bên được quyền chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Bùi Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị Nh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số0008234 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí .

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKS huyện Đông Hưng
- Thi hành án Dân sự Đông Hưng
- UBND xã ĐL
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

(đã ký)

Hà Thị Nhung